

Bản án số: 71/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25-3-2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Đào Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Tạ Công Minh.
- Ông Nguyễn Đức Duy.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang:**  
Bà Lương Thị Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 705/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Cẩm G**, sinh năm 1989;

Đăng ký thường trú: **Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang**.

Chỗ ở hiện nay: **Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang**.

- Bị đơn: Anh **Phạm Đăng K**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: **Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang**.

(Chị **G** có đơn xin xét xử vắng mặt

Anh **K** vắng mặt không lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị **Lê Thị Cẩm G** trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh **Phạm Đăng K** đăng ký kết hôn ngày 28/11/2007 tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **C**, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng anh chị sống tương đối hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng chị đã nhiều lần hòa giải để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Hiện nay vợ chồng chị đã ly thân.

Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn với anh **K**.

- Về con chung: Có 01 con chung tên **Phạm Lê Phương U** – sinh ngày 08/01/2009. Hiện nay con đang do chị nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh **K** cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh **K** không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh **Phạm Đăng K** không có văn bản trình bày ý kiến.

\* **Tại phiên tòa:** Nguyên đơn chị **G** có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh **K** vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị **G** đối với anh **K**.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị **G** yêu cầu được ly hôn với anh **K** và yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung giữa anh chị khi ly hôn, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn và nuôi con theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Chị **G** có đơn xin hòa giải và xét xử vắng mặt, bị đơn anh **K** vắng mặt không tham gia hòa giải và không tham dự phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị **G** và anh **K**.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị **G** đối với anh **K**, Hội đồng xét xử xét thấy

chị **G** và anh **K** có đăng ký kết hôn vào ngày 28/11/2007 tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **C**, tỉnh Tiền Giang nên hôn nhân giữa chị **G** và anh **K** là hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2021 thì vợ chồng chị **G**, anh **K** bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Hội đồng xét xử xét thấy, chị **G** và anh **K** đã có thời gian ly thân nhưng anh chị không giải quyết được mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm. Đồng thời, anh **K** không có ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị **G** chứng tỏ anh **K** không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị **G**. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị **G** và anh **K** đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **G** đối với anh **K**.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống chị **G** và anh **K** có 01 con chung tên **Phạm Lê Phương U** – sinh ngày 08/01/2009. Khi ly hôn chị **G** yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh **K** cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian chị **G** và anh **K** ly thân thì cháu **U** do chị **G** nuôi dưỡng, anh **K** không có ý kiến đối với yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị **G**, đồng thời cháu **U** có nguyện vọng được sống với chị **G** khi chị **G** và anh **K** ly hôn. Do đó, để đảm bảo điều kiện cho sự phát triển về thể chất, tinh thần và học tập của cháu **U** nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh **K** cấp dưỡng nuôi con chung của chị **G**.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **G** trình bày giữa chị và anh **K** không có tài sản chung và không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[7] Về án phí: Chị **G** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

### **Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Lê Thị Cẩm G** đối với anh **Phạm Đăng K**.

Chị **Lê Thị Cẩm G** được ly hôn với anh **Phạm Đăng K**.

2/ Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị **G**. Giao con chung tên **Phạm Lê Phương U** – sinh ngày 08/01/2009 cho chị **G** tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh **K** không phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh **K** được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3/ Về án phí: Chị **G** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0010595 ngày 27/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, nên chị **G** đã thi hành xong.

4/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị **G** và bị đơn anh **K** được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, TG;
- UBND xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Thị Đào Oanh**